

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/KDTM-ST
Ngày 17 – 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Lo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2018/QĐXXST-KDTM ngày 14/8/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 581/2018/QĐXXST-KDTM ngày 29/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận H, Hà Nội

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Trần B, chức vụ: Phó phụ trách phòng KHDN - Chi nhánh C và ông Hồ Minh T, chức vụ: Phó trưởng phòng KHDN - Chi nhánh C (theo văn bản ủy quyền lại số 80, ngày 02/7/2018) (có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thủy sản A

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Phạm A, địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018) (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Ngọc M (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2/ Ông Phạm Chí L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

3/ Anh Trần Trung C, (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10, đường M, khóm 5, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ngân hàng TMCP N có cho Công ty TNHH TMV Thủy sản A vay tiền, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 283/2016/NHNT ngày 07/12/2016 và Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 284/2016/NHNT ngày 07/12/2016, cho vay 14.500.000.000đ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản, thời hạn vay là 06 tháng cho từng lần nhận nợ, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh C theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tính đến ngày 17/10/2018, Công ty TNHH TMV Thủy sản A đã trả vốn và lãi được 13.566.000.000đ, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 410.625.999đ, trong đó dư nợ gốc là 372.000.000đ, lãi trong hạn là 25.750.666đ, lãi quá hạn là 12.875.333đ, tổng lãi trong hạn và quá hạn là 38.625.999đ.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 129-2017/HĐ-CMA-KHDN ngày 11/8/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng số 128-2017/HĐK-CMA-KHDN ngày 11/8/2017, cho vay 5.500.000.000đ, mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lệ, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn vay là 06 tháng cho từng lần nhận nợ, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh C theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Công ty đã nhận nợ tổng số tiền 5.113.000.000đ theo 04 biên nhận nợ. Tính đến ngày 17/10/2018, Công ty TNHH TMV Thủy sản A đã trả nợ được 1.220.000.000đ vốn, chưa trả lãi, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 4.338.174.953đ, trong đó nợ gốc là 3.893.000.000đ, lãi trong hạn là 352.747.759đ, lãi quá hạn là 92.427.194đ, tổng lãi trong hạn và quá hạn là 445.174.953đ.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 707/2014/NHNT ngày 02/7/2014, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-707/2014/NHNT ngày 07/11/2016, cho vay 15.000.000.000đ, mục đích vay là đầu tư xây dựng công trình và trang thiết bị nhà máy chế biến thủy sản A, thời hạn vay là 72 tháng, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh C theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tính đến ngày 17/10/2018, Công ty TNHH TMV Thủy sản A đã trả được 6.000.000.000đ vốn, chưa trả lãi, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 9.418.838.445đ, trong đó dư nợ gốc là 8.329.000.000đ, lãi trong hạn là 982.359.278đ, lãi quá hạn là 107.479.167đ, tổng lãi trong hạn và quá hạn là 1.089.838.445đ.

Như vậy, tính đến ngày 17/10/2018, Công ty TNHH TMV Thủy sản A còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền của ba hợp đồng trên là 14.167.639.397đ, trong

đó nợ gốc là 12.594.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.360.857.703đ, lãi quá hạn là 212.781.694đ.

Tài sản để đảm bảo khoản vay gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường S, thành phố C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG do UBND Thành phố C cấp ngày 01/8/2011 đứng tên ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M, diện tích là 20.749,8m², thửa số 10, tờ bản đồ số 02, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 355/2012/NHNT ngày 25/6/2012, và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 701 ngày 16/9/2013, hợp đồng này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay, phần đất này anh Trần Trung C đang thuê để nuôi tôm.

- Toàn bộ máy móc, thiết bị chuyên dụng phục vụ trong ngành thủy sản bao gồm: 01 Máy rà kim loại SD II 3008W, 01 hệ thống lạnh trung tâm, 01 hệ thống hút chân không, rút màng co, ép túi, 01 hệ thống kho lạnh 100 tấn và hầm đông gió, 02 máy phân cỡ tôm, 01 hệ thống cải tạo, sửa chữa băng chuyền tái đông 1000, 01 hệ thống trạm trung thế 750KVA và 250KVA, theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1635/2015/NHNT ngày 23/12/2015, chủ sở hữu là Công ty TNHH MTV Thủy sản A, giá trị tài sản máy móc thiết bị tại thời điểm ký hợp đồng là 12.105.772.834đ, hợp đồng này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay Công ty TNHH MTV thủy sản A đang quản lý, sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba tọa lạc tại đường số 07, khóm 4, phường T, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B1 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 05/02/2013 cho bà Nguyễn Trúc L đứng tên, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 471/2013/NHNT ngày 05/8/2013, đất thuộc thửa số 209, tờ bản đồ số 88, diện tích 225m², đất ở, tổng giá trị thời điểm thế chấp là 625.500.000đ. Vào ngày 24/7/2018, bà Nguyễn Trúc L đã trả cho Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh C số tiền 1.211.000.000đ và bà L đã nhận lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B1 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 05/02/2013.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Công ty TNHH MTV Thủy sản A trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/10/2018 là 14.167.639.397đ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo quy định các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đồng thời, buộc Công ty TNHH MTV Thủy sản A phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 355/2012/NHNT ngày 25/6/2012 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1635/2015/NHNT ngày 23/12/2015. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 471/2013/NHNT ngày 05/8/2013 thì bà Nguyễn Trúc L đã trả tiền cho Ngân hàng và nhận lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số

BL do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 05/02/2013, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản ghi lời trình bày của anh Trần Trung C ngày 02/8/2018 thể hiện:

Anh có thuê một phần đất tọa lạc tại phường S, thành phố C để canh tác nuôi tôm, anh mới thả tôm nuôi được hơn 01 tháng nay. Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Công ty TNHH MTV Thủy sản A trả nợ và yêu cầu phát mãi phần đất mà anh đang nuôi tôm, anh không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc anh thuê đất nuôi tôm trong vụ án này. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với Công ty TNHH MTV thủy sản A và các ông bà Phạm Chí L, Nguyễn Ngọc M là phù hợp quy định. Do Công ty TNHH MTV thủy sản A vi phạm thời hạn, nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, từ Điều 317 đến Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH MTV thủy sản A thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền của ba hợp đồng tín dụng là 14.167.639.397đ, trong đó nợ gốc là 12.594.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.360.857.703đ, lãi quá hạn là 212.781.694đ. Duy trì tài sản thế chấp còn lại để phát mãi đảm bảo khoản nợ cho Ngân hàng. Đình chỉ giải quyết đối với phần Ngân hàng N yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BL do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 05/02/2013 cho bà Nguyễn Trúc L đứng tên. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Thủy sản A, ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh Trần Trung C có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 284/2016/NHNT ngày 07/12/2016, Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 129-2017/HĐK-CMA-KHDN ngày 11/8/2017, Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 707/2014/NHNT ngày 02/7/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-707/2014/NHNT ngày 07/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP N với Công ty TNHH MTV Thủy sản A được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu Công ty TNHH MTV Thủy sản A trả các khoản nợ của ba hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 17/10/2018, với tổng số tiền là 14.167.639.397đ, trong đó nợ gốc là 12.594.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.360.857.703đ, lãi quá hạn trên số nợ gốc chậm trả là 212.781.694đ và lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết, xét thấy, các yêu cầu về trả nợ vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn phù hợp với nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp với giấy nhận nợ, bảng tính chi tiết lãi vay, các phiếu tính lãi, Phiếu theo dõi nợ gốc cho vay (bút lục từ số 264 đến số 266, từ số 293 đến số 373) nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 355/2012/NHNT ngày 25/6/2012, phụ kiện hợp đồng thế chấp số 701, ngày 16/9/2013 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BG thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ở Phường S, Thành phố C, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M đứng tên, và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1635/2015/NHNT ngày 23/12/2015, xét thấy, các hợp đồng thế chấp này có nội dung và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thế chấp, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thanh toán nợ cho Nguyên đơn đúng thời hạn đã thỏa thuận, do đó chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Nguyên đơn.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Phường T, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BL do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 24/7/2018 cho bà Nguyễn Trúc L đứng tên, xét thấy, trong quá trình vay, bà L đã trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Thủy sản A số tiền 1.211.000.000đ và Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp nêu trên, trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL nêu trên cho bà L và rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BL do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 05/02/2013, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do không phát sinh quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không đưa bà Nguyễn Trúc L tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đối với việc anh Trần Trung C thuê một phần đất tọa lạc tại phường S, thành phố C đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP N để canh tác nuôi tôm, đất do ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M đứng tên, xét thấy, hiện nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu phát mãi phần đất này để trả nợ cho Công ty TNHH MTV Thủy sản A, anh không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc anh thuê đất nuôi tôm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Công ty TNHH MTV Thủy sản A phải chịu án phí trên số tiền phải trả, Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 207, 227, 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 317, 320, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng, Án lệ số 08/2016/AL;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Buộc Công ty TNHH MTV Thủy sản A thanh toán cho Ngân hàng TMCP N các khoản nợ tính đến ngày 17/10/2018 của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 284/2016/NHNT ngày 07/12/2016, Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 129-2017/HĐK-CMA-KHDN ngày 11/8/2017, Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 707/2014/NHNT ngày 02/7/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-707/2014/NHNT ngày 07/11/2016, tổng số tiền là 14.167.639.397đ, trong đó nợ gốc là 12.594.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.360.857.703đ, nợ lãi quá hạn là 212.781.694đ và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vốn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 17/10/2018, Công ty TNHH MTV Thủy sản A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N thì lãi suất mà Công ty TNHH MTV Thủy sản A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng TMCP N phải trả cho Công ty TNHH MTV Thủy sản A bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG, thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ở Phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân thành phố C

cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M đứng tên khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Buộc Công ty TNHH MTV Thủy sản A phải có trách nhiệm giao tài sản thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG thửa đất số 100, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ở Phường S, Thành phố C, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 01/8/2011 cho ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Ngọc M đứng tên và máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 355/2012/NHNT ngày 25/6/2012, phụ kiện hợp đồng thế chấp số 701, ngày 16/9/2013 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 1635/2015/NHNT ngày 23/12/2015 cho cơ quan thi hành án xử lý sản thế chấp theo quy định trong trường hợp Công ty TNHH MTV Thủy sản A không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần Ngân hàng TMCP N yêu cầu phát mãi tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BL do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 05/02/2013 cho bà Nguyễn Trúc L đứng tên.

3/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Thủy sản A phải chịu là 122.167.000đ (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.354.000đ theo biên lai thu số 0002422 ngày 17/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

